TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **169**/2018/HS-ST
Ngày 22-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Thế Vinh;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hộ;
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Thuỷ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thùy Vân – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm tham gia phiên tòa: Bà Bùi Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 165/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Kiều Thị Y**, giới tính: Nữ; Sinh ngày 23/7/1997 tại KS, thị xã ST, TP. Hà Nội; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn NT, xã KS, thị xã ST,TP. Hà Nội; Nơi ở: Ký túc xá trường Đ, phường Đ, Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên trường Đ; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Kiều Văn Th, sinh năm 1952, Nghề nghiệp: lao động tự do và con bà: Nguyễn Thị Y, sinh năm 1959, Nghề nghiệp: hưu trí; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh bản và chỉ bản số: 260 do công an quận Bắc Từ Liêm lập ngày 09/7/2018.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú";

Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Mai Ngọc D**; giới tính: Nam**;** Sinh ngày 07/12/1994 tại TH; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm 8, xã NĐ, huyện NS, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở: số 25, ngõ 58, đường TB, phường M, quận C,thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ, đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông: Mai Ngọc S, sinh năm 1961, Nghề nghiệp: làm ruộng và con bà: Mai Thị B, sinh năm 1955, Nghề nghiệp: làm ruộng.

Tiền án, tiền sự: Không.

Danh bản và chỉ bản số: 261 do công an quận Bắc Từ Liêm lập ngày 09/7/2018.

Bị cáo hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú";

Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Vũ Thị L, sinh năm 1972; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 52 đường SN, phường ĐT, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội; *Vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền để giải quyết việc riêng nên Kiều Thị Y đã nảy sinh ý định làm giấy tờ thẻ sinh viên giả để mang đi cầm cố lấy tiền. Khoảng ngày 24-25/4/2018, Y truy cập mạng xã hội facebook và zalo thuê 1 người không quen biết làm 02 chứng minh nhân dân và 02 thẻ sinh viên giả giá 1.000.000đ/ 1 cái; Y đưa ảnh của mình và cung cấp thông tin tên Lưu Thị H, sinh ngày 16/12/1998; nguyên quán, Hộ khẩu thường trú: xã Thạch Hòa, Thạch Thất, Hà Nội và khoa: Công nghệ thông tin - Đại học M cho người làm giấy tờ trên mạng, hẹn khi nào nhận giấy tờ thì sẽ trả tiền. Khoảng 09h00' ngày 02/5/2018, Y nhận được 1 số điện thoại lạ gọi đến và hẹn gặp ở cổng phụ ký túc xã trường M; Y ra gặp, người đó đưa cho Y 01 bọc giấy trắng, Y trả cho người đó 4.000.000đ và bóc ra xem trong có 02 giấy chứng minh thư nhân dân và 02 thẻ sinh viên có ảnh của Y và nội dung đúng như Y cung cấp. Y cất giấu số giấy tờ giả trên trong người rồi xóa hết nội dung tin nhắn, cuộc gọi liên quan đến việc mua chứng minh thư nhân dân và thẻ sinh viên giả.

Khoảng hơn 09h00' ngày 04/5/2018, Y mang theo số giấy tờ giả trên trong người, đi bộ đến cửa hàng cho thuê xe số 52 đường S của chị Vũ Thị L mục đích thuê xe để đi lại. Tại đây, Y để lại 01 thẻ sinh viên giả để thuê xe máy điện màu đỏ đen giá 8000đ/ tiếng, chị L đồng ý giao xe cho Y. Sau đó Y sử dụng xe máy điện trên đi đến đến chỗ trọ của bạn vay tiền. trên đường đi, bạn Y gọi điện nói không có tiền, nên Y đến cửa hàng cầm đồ M, số 25, ngõ 58, đường TB, Cầu Giấy, Hà Nội gặp Mai Ngọc D mục đích đặt xe máy điện và hỏi vay 3.000.000 đồng. D đồng ý và làm thủ tục cho Y vay 2.000.000 đồng. Khi kiểm tra xe máy điện Y đặt, D phát hiện ra xe máy này do Y đi thuê vì có tem dán địa chỉ, số điện thoại của cơ sở cho thuê xe. Vì vậy, D đã doạ sẽ tố cáo ra công an và Y đã nói thật là xe đi thuê, đồng thời đưa cho D xem chứng minh thư, thẻ sinh viên giả. Sau đó, D bắt Y phải "nộp phạt" 2.000.000đ nếu không tố giác hành vi của Y ra Cơ quan Công an. Y sợ hãi, đồng ý và để lại xe đạp điện ở quán làm tin rồi xe buýt quay về ký túc xá gặp và vay của chị Ngô Thúy H (Sinh năm 1996, Hộ khẩu thường trú: thôn 14, HC, huyện H, tỉnh Thanh Hóa) số tiền 2.000.000đ.

Quá trình chờ Y đi vay tiền "nộp phạt", D đã gọi điện báo cho chị Vũ Thị L là chủ cửa hàng cho thuê.

Sau khi vay được tiền, Y quay lại quán của D, tại đây Y nói chỉ có 1.500.000đ, D đồng ý. Y đưa cho D 1.500.000đ, D nhận tiền cất vào túi, xé bỏ hợp đồng rồi dùng kéo cắt đôi thẻ sinh viên, chứng minh nhân dân nêu trên. Đúng lúc đó, chị L đến yêu cầu Y về Công an phường Đức Thắng làm việc. Tại Công an phường Đức Thắng, Y khai nhận hành vi như trên. Căn cứ lời khai của Y, Công an phường Đức Thắng mời Mai Ngọc D đến làm việc, tại Công an phường, D khai nhận hành vi đe dọa chiếm đoạt số tiền 1.500.000đ của Y.

Vật chứng thu giữ được:

- Kiều Thị Y tự nguyện giao nộp: 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lưu Thị H, số 016395623; 01 thẻ sinh viên trường ĐH M mang tên Lưu Thị H.

- Mai Ngọc D tự nguyện giao nộp:

+ 01 điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro màu đen, số imei (khe 1): 353317094001303, số imei (khe 2): 353318094001301; bên trong lắp sim điện thoại số 09862302** và số 09452302**, máy đã qua sử dụng;

+ số tiền 1.500.000đ (02 tờ tiền mệnh giá 200.000đ và 11 tờ tiền mệnh giá 100.000đ)

+ 01 thẻ sinh viên do trường ĐH M cấp cho họ và tên Lưu Thị H, MSSV: 1621050245 (thẻ sinh viên này đã bị cắt làm hai); 01 chứng minh thư nhân dân số 016395623 có ghi họ, tên Lưu Thị H sinh ngày 16-12-1998 (giấy chứng minh thư nhân dân đã bị cắt làm hai).

+ Bản photo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và biên bản kiểm tra an toàn phòng cháy.

- Chị L tự nguyện giao nộp: 01 xe máy điện nhãn hiệu Gian T133S màu đỏ, số máy: 0W0914002874, số khung: DGPJFA000666, biển số 29MĐ1-051.97, xe đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 008235 mang tên Vũ Thị L (bản phô tô).

Ngày 05/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm lập biên bản trích xuất hình ảnh camera tại cửa hàng cầm đồ M, số 25, ngõ 58, đường TB, Cầu Giấy, Hà Nội: anh Nguyễn Văn S (SN 1986, HKTT: Hải Đông, Hải Hậu, Nam Định) trình bày: camera vẫn hoạt động bình thường, có thẻ nhớ 16GB cam; *anh S tự nguyện giao nộp 01 thẻ nhớ nêu trên*. Qua kiểm tra thẻ nhớ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm đã chụp được các hình ảnh Kiều Thị Y vào cửa hàng cầm đồ cầm cố giấy tờ vay tiền và việc chị Y đưa tiền cho Mai Ngọc D ngày 04/5/2018.

Tại Cơ quan điều tra, chị Lưu Thị H (Sinh năm 1998, nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: xã HK, huyện ML, TP. Hà Nội) khai: hiện chị là sinh viên lớp Công nghệ thông tin – Đại học M, chị không nhờ ai làm thẻ sinh viên, không cung cấp thông tin cho ai, bản thân chị chỉ sử dụng 01 thẻ sinh viên do trường Đại học M cấp; Chị giao nộp Cơ quan điều tra 01 thẻ sinh viên trường Đại học

M mang tên Lưu Thị H – bản photo, 01 chứng minh thư nhân dân số 001198004270 mang tên Lưu Thị Hạnh, SN 16/12/1998, nơi thường trú: HK, ML, Hà Nội – bản photo.

Tại biên bản làm việc ngày 15/5/2018 với ông Bùi Mạnh T (Phó trưởng phòng công tác sinh viên trường Đại học M) cung cấp: Qua tra cứu hệ thống phần mềm quản lý sinh viên của nhà trường có sinh viên Lưu Thị H (SN 16/12/1998, MSSV: 1621050245 hiện đang học khoa công nghệ thông tin hệ đại học chính quy trường Đại học M; Về quy trình cấp phát thẻ sinh viên của trường Đại học M như sau: Đối với học viên, sinh viên học tại trường sẽ được cấp thẻ sinh viên, nhà trường có phôi thẻ sinh viên riêng và giao cho phòng công tác sinh viên phụ trách từ việc nhập dữ liệu đến việc cấp phát thẻ sinh viên. Quá trình làm việc, phòng công tác sinh viên đã cung cấp 01 mẫu thẻ sinh viên trường Đại học M để phục vụ công tác điều tra, giám định tài liệu.

Ngày 17/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Bắc Từ Liêm có Quyết định số 294 trưng cầu giám định tài liệu của 02 chứng minh thư nhân dân và 02 thẻ sinh viên mang tên Lưu Thị H.

Tại Bản kết luận giám định số 5704 ngày 02/7/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP Hà Nội, kết luận về đối tượng giám định như sau:

1. 02 (hai) "Giấy chứng minh nhân dân" cần giám định là 02 giấy chứng minh nhân dân giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu kỹ thuật số;

2. Các chi tiết in trên 02 thẻ sinh viên đứng tên Lưu Thị H cần giám định (ký hiệu A3, A4) với các chi tiết in trên thẻ sinh viên mẫu so sánh (ký hiệu M) không phải do cùng một bản in tương ứng in ra.

Tại Cơ quan điều tra, Kiều Thị Y khai nhận hành vi của mình như nêu trên và khai: Mục đích sử dụng thẻ sinh viên và giấy chứng minh nhân dân giả để đi vay tiền sau đó sẽ chiếm đoạt luôn số tiền vay được để giải quyết việc riêng; mục đích thuê xe của chị L là để đi lại chứ không có mục đích chiếm đoạt xe máy điện nêu trên.

Tại Cơ quan điều tra, Mai Ngọc D khai nhận hành vi như trên và khai: Mục đích đe dọa sẽ tố giác hành vi trái pháp luật của Y để Y phải sợ hãi rồi chiếm đoạt số tiền 1.500.000đ của Y.

Ngày 19/7/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm đã có Công văn số 1554 gửi Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Cầu Giấy về việc giải quyết đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của Mai Ngọc D tại cửa hàng cầm đồ M, số 25, ngõ 58, đường TB, quận C, TP. Hà Nội. Ngày 25/7/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận Cầu Giấy đã có Công văn số 2426 trả lời: đối với hành vi chiếm đoạt tài sản của Mai Ngọc D xảy ra tại phường M, quận Cầu Giấy, Hà Nội nhưng cho đến nay chưa có ai đến trình báo với Công an quận Cầu Giấy về việc trên. Cơ quan CSĐT Công an quận Bắc Từ Liêm là cơ quan phát hiện tội

phạm, bắt giữ đối tượng và đã ra quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can đối với Mai Ngọc D. Căn cứ khoản 4 Điều 164 Bộ luật tố tụng hình sự, Cơ quan CSĐT Công an quận Cầu Giấy đề nghị Cơ quan CSĐT Công an quận Bắc Từ Liêm tiếp tục điều tra vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với 01 xe máy điện nhãn hiệu Gian T133S màu đỏ, số máy: 0W0914002874, số khung: DGPJFA000666, biển số 29MĐ1-051.97, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của chị Vũ Thị L. Ngày 10/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm đã trao trả xe máy điện nêu trên cho chị Vũ Thị L, chị L đã nhận lại xe và có đơn xin rút đơn trình báo.

Đối với 01 mẫu thẻ sinh viên trường Đại học M do anh Bùi Mạnh T – Phó trường phòng công tác sinh viên cung cấp cho Cơ quan điều tra để phục vụ công tác điều tra, giám định. Ngày 26/7/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm đã trao trả cho anh Bùi Mạnh T mẫu thẻ sinh viên nêu trên, anh T đã nhận lại và không có ý kiến gì.

Đối với số tiền 2.000.000 đồng Kiều Thị Y vay của chị Ngô Thúy H. Tại Cơ quan điều tra, chị H khai: ngày 04/5/2018, chị cho Y vay 2.000.000đ, khoảng 1 tuần sau, Y đã trả cho chị số tiền trên, chị không có yêu cầu đề nghị gì.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị L không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 160/CT-VKS ngày 11/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội quyết định tố bị cáo Kiều Thị Y về tội "làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Mai Ngọc D về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo ngoài xã hội.

Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm luận tội đối với các bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Kiều Thị Y về tội "làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự. Truy tố bị cáo Mai Ngọc D về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 341; Điểm i, s Khoản 1,2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Kiều Thị Y với mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng.

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 170; Điểm b, s Khoản 1,2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử Mai Ngọc D với mức án từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Bắc Từ Liêm,TP. Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, rõ ràng, phù hợp với quy định của pháp luật; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Quá trình điều tra Công an quận Cầu Giấy có văn bản đề nghị công an quận Bắc Từ Liêm giải quyết điều tra về hành vi chiếm đoạt số tiền 1.500.000 đồng của Mai Ngọc D đối với Kiều Thị Y là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Những căn cứ xác định tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại Cơ quan điều tra, vật chứng được thu giữ, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định cùng các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09h00’ ngày 04/5/2018, Kiều Thị Y đã sử dụng 01 thẻ sinh viên giả (mua của một người không xác định trên mạng xã hội Zalo vào khoảng ngày 02/5/2018) thuê 01 xe máy điện nhãn hiệu Gian T133S màu đỏ, biển số 29MĐ1-051.97 của chị Vũ Thị L ở số 52 đường S, phường ĐT, quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội để đi lại; Sau đó, Y dùng xe máy điện trên đi đến cửa hàng cầm đồ M, số 25, ngõ 58, đường TB, quận C, Hà Nội gặp Mai Ngọc D cầm cố 2.000.000đồng, nhưng bị D phát hiện đe dọa Y phải đưa 2.000.000đồng thì sẽ không tố giác hành vi trái pháp luật của Y làm Y sợ hãi phải đưa cho D 1.500.000đ.

Kiều Thị Y biết rõ các Giấy chứng minh nhân dân và thẻ sinh viên mang tên Lưu Thị H là giả nhưng vẫn sử dụng các giấy tờ giả trên để thực hiện các giao dịch dân sự khác. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng tài liệu giả của các cơ quan, tổ chức” quy định tại Khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự.

Việc Mai Ngọc D có hành vi đe doạ, uy hiếp tinh thần để chiếm đoạt tài sản của Kiều Thị Y đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại Khoản 1 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý hành chính Nhà nước, tổ chức và xâm phạm sự hoạt động bình thường, uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liêu, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, gây tâm lý lo lắng

trong nhân dân. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi của mình, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, bị cáo Kiều Thị Y phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điểm i, s Khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Bị cáo Mai Ngọc D đã nộp lại số tiền 1.500.000 đồng chiếm đoạt của Y cho cơ quan điều tra, bị cáo lần đầu phạm tội, bố đẻ bị cáo là ông Mai Ngọc S là bộ đội, có công trong cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ Quốc tế theo Quyết định số: 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điểm b Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Mai Ngọc D.

Đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, động cơ, mục đích, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, Hội đồng xét xử thấy các bị cáo nhất thời phạm tội, có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng có khả năng tự cải tạo ngoài xã hội. Cần cho các bị cáo hưởng án treo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là thoả đáng.

Về vật chứng vụ án:

- Cần tịch thu tiêu hủy:

+ 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lưu Thị H, số 016395623; 01 thẻ sinh viên trường đại học M mang tên Lưu Thị H.

+ 01 thẻ sinh viên do trường đại học M cấp cho họ và tên Lưu Thị H, MSSV: 1621050245 (thẻ sinh viên này đã bị cắt làm hai); 01 chứng minh thư nhân dân số 016395623 có ghi họ, tên Lưu Thị H sinh ngày 16/12/2018 (giấy chứng minh thư nhân dân đã bị cắt làm hai).

+ 01 thẻ nhớ dung lượng 16G.

- Trả lại bị cáo Kiều Thị Y số tiền 1.500.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Mai Ngọc D: 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro màu đen số imei (khe1): 353317094001303, số imei (khe 2): 35331809400130 bên trong lắp sim điện thoại số 09862302** và 09452302** máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong do không liên quan đến hành vi phạm tội.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Kiều Thị Y phạm tội "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức".

Tuyên bố bị cáo Mai Ngọc D phạm tội "Cưỡng đoạt tài sản".

1. Áp dụng khoản 1 Điều 341; Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo: Kiều Thị Y: 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày Toà tuyên án.

Giao bị cáo Kiều Thị Y cho Uỷ ban nhân dân xã K, thị xã ST, thành phố Hà Nội quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 170; Điểm b, s Khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo: Mai Ngọc D 12 (Mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng tính từ ngày Toà tuyên án.

Giao bị cáo Mai Ngọc D cho Uỷ ban nhân dân phường M, quận CG, thành phố Hà Nội quản lý, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong thời gian thử thách của án treo các bị cáo Kiều Thị Y, Mai Ngọc D phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; khoản 2 Điều 106; Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 1 Điều 23, điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Lưu Thị H, số 016395623; 01 thẻ sinh viên trường đại học M mang tên Lưu Thị H.

+ 01 thẻ sinh viên do trường đại học M cấp cho họ và tên Lưu Thị H, MSSV: 1621050245 (thẻ sinh viên này đã bị cắt làm hai); 01 chứng minh thư nhân dân số 016395623 có ghi họ, tên Lưu Thị H sinh ngày 16/12/2018 (giấy chứng minh thư nhân dân đã bị cắt làm hai).

+ 01 thẻ nhớ dung lượng 16G.

- Trả lại cho Kiều Thị Y số tiền 1.500.000 đồng.

- Trả lại cho bị cáo Mai Ngọc D: 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J7 Pro màu đen số imei (khe1): 353317094001303, số imei (khe 2): 35331809400130 bên trong lắp sim điện thoại số 09862302** và 09452302** máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội theo Biên bản giao nhận vật chứng số 172/2018 ngày

14/9/2018 giữa Chi cục Thi hành án quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội và Công an quận Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội).

3.2. Về án phí: Các bị cáo Kiều Thị Y và Mai Ngọc D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3.3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKSND Q. BắcTừ Liêm;
- VKSND TP. Hà Nội;
- TAND TP. Hà Nội;
- Công an Q.Bắc Từ Liêm;
- Chi cục Thi hành án Q.Bắc Từ Liêm;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thế Vinh